TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/ DS-ST
Ngày: 19-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận;

2. Bà Lê Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2019/QĐXXST - DS ngày ngày 17 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1970; trú tại: D452A, khu phố B, phường Bình N, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1991; trú tại: 409 Đại lộ B, phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 15/11/2018). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T; sinh năm 1987; trú tại: Số 30, khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C; địa chỉ: 30 khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Kim O. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Kim T có mối quan hệ quen biết từ trước. Khoảng tháng 01 năm 2016, bà T có vay của bà L số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), hai bên có lập giấy mượn nợ cam kết ngày 18/1/2016 trả số tiền trên, ngày 18/1/2016 bà T không trả nợ hai bên tiếp tục lập Giấy cam kết ngày 18/1/2016 bà T sẽ tất toán số tiền vay hạn chót vào ngày 21/1/2016. Tuy nhiên, bà T không thực hiện theo đúng giấy cam kết. Do hiện nay giấy mượn nợ bà L đã làm thất lạc nên số tiền 1.000.000.000 đồng bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền trên đối với bà T.

Ngày 13/10/2018 giữa bà T, bà L có lập giấy cam kết thỏa thuận bà T nợ bà L số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), hàng tháng bà T sẽ trả 6.000.000 đồng bắt đầu thực hiện từ ngày 30/10/2018. Tuy nhiên, đến hết thời hạn trả nợ nhưng bà T vẫn không trả tiền cho bà L như trong giấy cam kết.

Nay, bà Nguyễn Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 0.83% tạm tính từ ngày 19/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 200.000.000 đồng x 28 tháng x 0.83% = 46.480.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi tiền lãi về tiền lãi nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán là 0.83% tạm tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính tháng 8/2019 là 10tháng) là 200.000.000 đồng x 10 tháng x 0.83% = 16.600.000 đồng

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp chứng minh yêu cầu khởi kiện: Giấy cam kết ngày 13/10/2018.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc để cung cấp lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV C người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị Kim O trình bày: Giữa bà T và bà L có quan hệ quen biết nhau, bà T là con ruột của bà O, do bà Lcó nhu cầu vay tiền nên nhờ Công ty TNHH MTV C vay dùm số tiền 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng). Do đó công ty có vay dùm cho bà Lsố tiền trên. Tuy nhiên, hiện nay bà L đã trả số tiền này. Do đó, giữa bà L và Công ty TNHH MTV C không còn nợ tiền nhau. Tại giấy cam kết ngày 13/10/2018 nội dung cũng thể hiện giữa bà L và Công ty TNHH MTV C không còn nợ tiền, việc bà L và T có quan hệ vay mượn tiền không thì Công ty không biết. Công ty TNHH MTV C yêu cầu được vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi. Yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T trả số tiền vay 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày xử sơ thẩm (ngày 19/8/2019) là 09 tháng 19 ngày là 15.991.000đồng. Tổng cộng là 215.991.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các qui định tại điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định của của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Những yêu cầu, kiến nghị để khác phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T vắng mặt, Công ty TNHH MTV C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Quá trình tố tụng, Toà án đã tiến hành thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179, 196, 208, 220 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào Giấy cam kết giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Kim T thể hiện nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim T xác nhận có nợ bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) bà T cam kết mỗi tháng sẽ trả 6.000.000 đồng bắt đầu trả từ ngày 30/10/2018, nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản xác minh ngày 31/5/2019 bà Nguyễn Thị Kim T có địa chỉ thường trú tại 30 khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định giữa bà Nguyễn Thị Hồng L và bà Nguyễn Thị Kim T vào ngày 13/10/2018 hai bên có lập giấy cam kết bà Thanh nợ bà L số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), hàng tháng bà T sẽ trả 6.000.000 đồng bắt đầu thực hiện trả nợ từ ngày 30/10/2018 hai bên có ký vào giấy cam kết nêu trên. Việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn khi đến hạn đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ 200.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi là 15.991.000đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu thanh toán số tiền lãi chậm trả là 0.83% tính từ ngày 19/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 200.000.000 đồng x 28 tháng x 0.83% = 46.480.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi tiền lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi là 0.83% tính từ ngày 30/10/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/8/2019 (là 09 tháng 19 ngày) là 200.000.000 đồng x 0.83% x 09 tháng 19 ngày = 15.991.000đồng, xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Về mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền vay là 200.000.000 đồng, tiền lãi 15.991.000đồng. Tổng cộng 215.991.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn đồng).

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng L số tiền 200.000.000 đồng, tiền lãi 15.991.000đồng. Tổng cộng 215.991.000 đồng (hai trăm mười lăm triệu chín trăm chín mươi mốt ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu 10.799.550 đồng (mười triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn năm trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng L 6.162.000 đồng (tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0034881 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Đại Thắng